

Hải Dương, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG
NĂM: 2016

*(Phụ lục số 04 - Ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015
của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0800282498
- Vốn điều lệ: 17.174.100.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 17.174.100.000 đồng
- Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 03203.821338 / 03203.821297
- Số Fax: 03203.821.557
- Website: www.Khoangsanhaiduong.com
- Email: Hamicokshd@gmail.com
- Mã cổ phiếu: KHD

❖ Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (Công ty) tiền thân là mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 1958.
- Từ ngày 15/9/1992 UBND tỉnh Hải Hưng thành lập doanh nghiệp nhà nước: Mỏ đá vôi Thống Nhất, trực thuộc sở xây dựng Hải Hưng.
- Từ ngày 15/8/1997 UBND tỉnh Hải Dương đổi tên mỏ đá vôi Thống Nhất thành Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương.
- Tháng 7/2003: Theo quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt phương án cổ phần hóa, chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty khai thác, chế biến đá và khoáng sản Hải Dương thành Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương. Do vậy từ tháng 8/2003 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Ngày 03/9/2013 Công ty chính thức là Công ty đại chúng theo công văn chấp thuận số: 5547/UBCK-QLPH ngày 03/9/2013 của Ủy ban chứng khoán nhà nước, với mức vốn điều lệ là 11.449.400.000 đồng.
- Ngày 07/01/2014 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 02/2014/GCNCP-VSD, theo đó Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán kể từ ngày 07/01/2014.
- Ngày 05/06/2015 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm 572.470 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm cổ phiếu theo quy định và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận, được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất số 02/2014/GCNCP-VSD-1 ngày 23/09/2015 với số lượng chứng khoán đăng ký là 1.717.410 cổ phần, tổng giá trị là 17.174.100.000 đồng.
- Ngày 12/12/2016 Công ty nhận được Quyết định số 818/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu; Ngày 22/12/2016 cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 1.717.410 cổ phiếu với tổng giá trị là 17.174.100.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

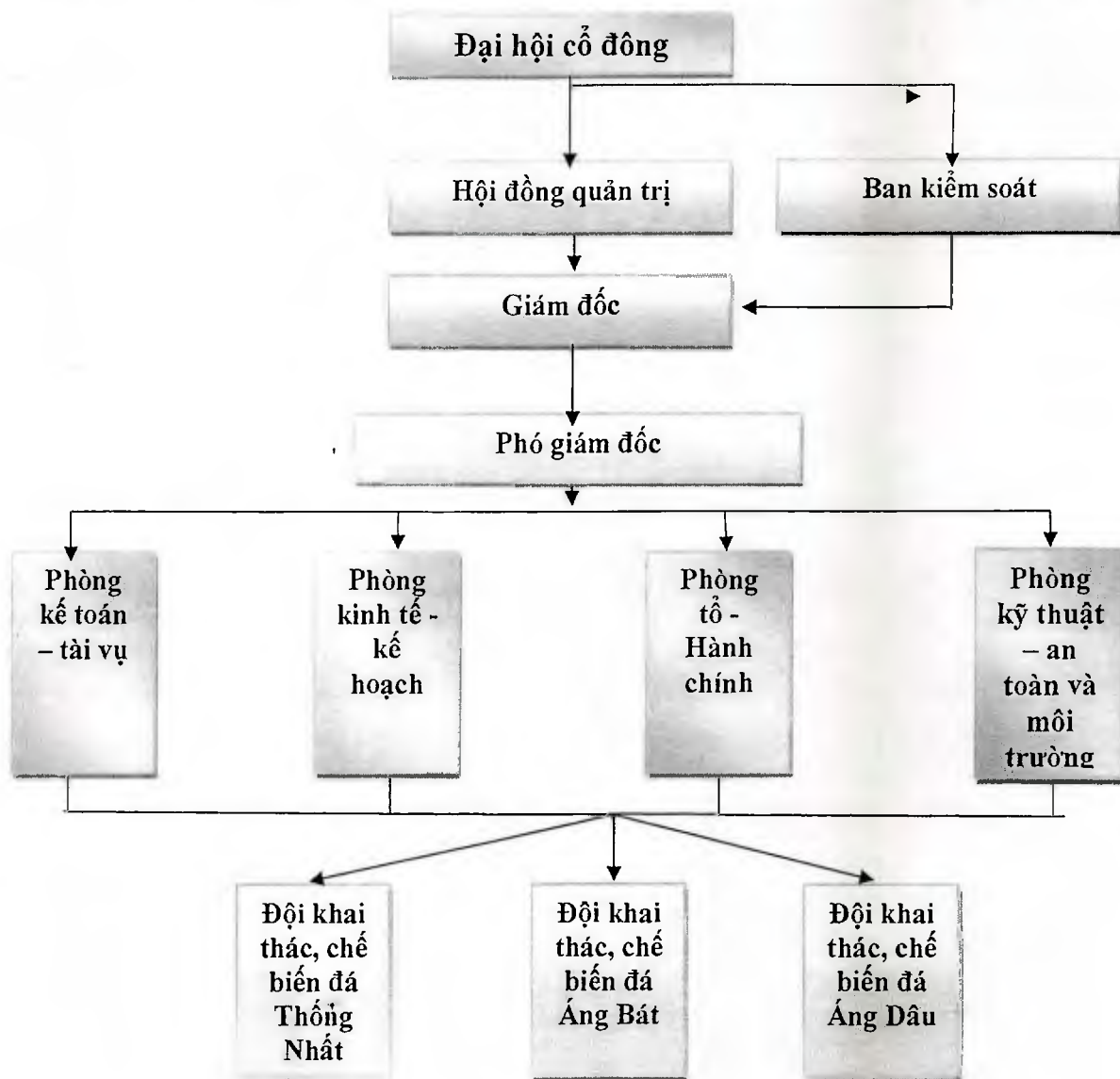
Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng thông thường.

❖ Địa bàn kinh doanh:

Trụ sở Công ty: Khu 2, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Các đơn vị sản xuất thuộc địa bàn TT Minh Tân, Thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



3.1 Mô hình quản trị

❖ Đại Hội Đồng Cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại Hội Đồng Cổ đông có trách nhiệm đưa ra những chính sách dài hạn và ngắn hạn về việc phát triển của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, các thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014.

❖ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng cổ đông, do Đại hội Đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

3.2 Cơ cấu quản lý Công ty

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Giám đốc Công ty là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, và pháp luật về toàn bộ việc tổ chức kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng:** Hiện tại Công ty có 04 phòng chức năng thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh được hiệu quả.

- ✓ Phòng kế toán tài vụ: Tham mưu cho Giám đốc công ty về thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản của Công ty, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về mặt công tác tài chính và hoạt động kế toán toàn Công ty theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty.
- ✓ Phòng kinh tế - kế hoạch: Tham mưu cho giám đốc trong việc ra quyết định về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị, quyết định khoán chi phí, kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu để đảm bảo sản xuất của Công ty. Ngoài ra phòng KT-KH còn có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc về công tác bán hàng như: tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, phát triển thị trường, theo dõi các hợp đồng kinh tế....
- ✓ Phòng kỹ thuật - an toàn và môi trường: Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong công tác quản lý khai thác các mỏ, chịu trách nhiệm huấn luyện an toàn lao động theo từng công việc đối với công nhân và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi chế độ chính sách về bảo hiểm lao động của công nhân viên chức theo luật định.

- ✓ Phòng tổ chức – hành chính: Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân viên, chịu trách nhiệm về công tác quản lý lao động, triển khai thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động. Chịu trách nhiệm về công tác an ninh trật tự, bảo đảm an toàn về tài sản trong toàn Công ty, đồng thời phụ trách đời sống, y tế, mẫu giáo, văn hoá, thể dục thể thao, phát động các phong trào thi đua, khen thưởng các hoạt động phong trào của Công ty. Quản lý toàn bộ diện tích đất của Công ty.

❖ **Các đội sản xuất:**

Hiện tại Công ty có 03 đội sản xuất, bao gồm:

- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Thông Nhất
- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Áng Bát
- ✓ Đội khai thác, chế biến đá Áng Dầu

Đây là những đội sản xuất tham gia trực tiếp vào quá trình khai thác và chế biến sản phẩm. Mỗi đội sản xuất bao gồm đội trưởng, đội phó, nhân viên kỹ thuật, nhân viên kinh tế và công nhân sản xuất trực tiếp.

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trên cơ sở ổn định doanh nghiệp, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo toàn được vốn của các cổ đông, vốn của doanh nghiệp.
- ✓ Hoàn thành kế hoạch do Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra, thực hiện tốt công tác an toàn lao động, giữ gìn an ninh trật tự trong doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể và các mặt công tác khác tại doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Xây dựng Công ty theo hướng phát triển bền vững, tốc độ tăng trưởng ổn định có tính cạnh tranh cao. Phát huy uy tín thương hiệu đã đạt được, tiếp tục đầu tư phát triển trong lĩnh vực khai thác khoáng sản và chế biến vật liệu xây dựng.
- ✓ Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến hiện đại, nâng cao năng lực kinh doanh, phát triển và mở rộng liên doanh liên kết với các đối tác để phát triển năng lực của Công ty.

- ✓ Thực hiện đúng các quy định của pháp luật đối với các hoạt động sản xuất của Công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Cty.

Phát triển doanh nghiệp phải gắn liền với mục tiêu bảo vệ môi trường, có trách nhiệm với xã hội, làm công tác xã hội từ thiện, đóng góp vào sự phát triển của xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro

- ✓ Rủi ro về pháp luật: Nhà nước có những quy định chặt chẽ về lĩnh vực khoáng sản. Công ty chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật như: Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Luật quản lý thuế; Luật lao động, BHXH; Luật khoáng sản; Luật môi trường... Mọi sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước đều đem đến rủi ro nhất định cho doanh nghiệp, bởi bất kỳ sự thay đổi nào cũng có thể ảnh hưởng đến chiến lược và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ✓ Rủi ro về nguyên liệu đầu vào: Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế đây là khó khăn đặc trưng của Công ty. Ngoài ra các yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Rủi ro về thời tiết: Đây là rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Tất cả các mỏ đá của Công ty đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, chế biến sản phẩm, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.
- ✓ Rủi ro về môi trường: Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các vụ tranh cãi pháp lý.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 5 năm 2016-2020, bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng gặp phải không ít khó khăn, thách thức, phải chịu tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt là yếu tố liên quan đến chính sách thuế của nhà nước (thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, phí cấp quyền khai thác, phí hoàn nguyên môi trường...) đã ảnh hưởng đến việc duy trì sản xuất và khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty.

Ngay từ đầu năm khi đã nhận thức được những khó khăn, Công ty đã triển khai đồng bộ các biện pháp như: điều tiết trong sản xuất, thay đổi công nghệ chế biến đá; cắt giảm chi phí sản xuất; điều chỉnh linh hoạt giá bán... cũng như điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do khó khăn về thị trường tiêu thụ lên

việc sản xuất chỉ duy trì để tạo việc làm cho người lao động, chỉ tiêu sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ, doanh thu không đạt kế hoạch đề ra và giảm mạnh so với cùng kỳ.

Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty đạt được như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	So sánh %	
					KH 2016	TH 2015
1. Sản lượng sản xuất						
+ Khai thác đá xây dựng	M ³	1.300.000	1.205.613	1.747.541	92,7%	68,9%
+ Chế biến đá xây dựng	"	1.235.000	1.120.258	1.535.096	90,7%	72,9%
+ Chế biến cát nghiền	"	-	12.211	-	-	-
2. Sản lượng tiêu thụ						
+ Đá học	"	-	31.328	138.413	-	22,6%
+ Đá chế biến	"	1.235.000	1.036.320	1.500.057	83,9%	69,1%
+ Cát nghiền	"	-	9.639,5	-	-	-
3. Doanh thu	Tr.đ	145.500	125.321,9	182.233,9	86,1%	68,8%
4. Lợi nhuận sau thuế	"	6.000	8.905,2	15.346,1	148,4%	58,3%
5. Các khoản nộp ngân sách	"	20.000	24.595,2	34.495,3	122,9%	71,3%

Sản lượng khai thác và chế biến chỉ đạt từ 90%-92% kế hoạch và giảm so với năm 2015; sản lượng tiêu thụ đá chế biến chỉ đạt 83,9% kế hoạch và bằng 69,1% so với cùng kỳ; Doanh thu đạt 86,1% kế hoạch và bằng 68,8% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 58,3% so với năm 2015 nhưng lại vượt kế hoạch 48,4%.

2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Đào Văn Dũng	Giám đốc	36.690	2,14%	

2	Đỗ Quang Mạnh	Phó giám đốc	45.375	2,64%	
3	Đoàn Văn Cường	Phó giám đốc	1.290	0,08%	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2016
4	Nguyễn Văn Vĩnh	Phó giám đốc	27.345	1,59%	Nghỉ chế độ từ ngày 01/04/2016
5	Nguyễn Khiêm	Hữu Kế toán trưởng	16.209	0,94%	

❖ Sơ yếu lý lịch ban điều hành:

✓ Ông Đào Văn Dũng – Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/11/1966
- Chứng minh nhân dân: 141700840, Ngày cấp: 11/12/2008, Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đồng Ngọ - Nam Đồng – TP Hải Dương – Hải Dương
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mở

✓ Ông Đỗ Quang Mạnh - Phó giám đốc:

- Họ và tên: Đỗ Quang Mạnh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/03/1965
- Chứng minh nhân dân: 140340892 Ngày cấp: 09/01/2010 Nơi cấp: CA Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mở

✓ **Ông Đoàn Văn Cường - Phó giám đốc:**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 12/12/1979

- Chứng minh nhân dân: 141822720, Ngày cấp 05/04/2011, CA Hải Dương cấp.

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tp Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác

✓ **Ông Nguyễn Hữu Khiêm – Kế toán trưởng:**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 21/03/1980

- Chứng minh nhân dân: 100726346, Ngày cấp 28/05/2015, CA Quảng Ninh cấp

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Khu 2, TT Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

❖ **Những thay đổi trong ban điều hành:**

✓ Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Phó giám đốc được nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

- ✓ Ông Đoàn Văn Cường – Trưởng phòng kỹ thuật an toàn & môi trường được Hội đồng quản trị bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

❖ Số lượng cán bộ nhân viên:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	410	100%
1	Đại học và trên đại học	39	9,5%
2	Cao đẳng	22	5,4%
3	Nghề, sơ cấp	95	23,2%
4	Phổ thông	254	61,9%
B	Theo tính chất công việc	410	100%
1	Lao động gián tiếp	122	29,6%
2	Lao động trực tiếp	288	70,2%

❖ Chính sách đối với người lao động:

- ✓ Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định đối với người lao động(Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN; Bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại; khám sức khỏe định kỳ; Ốm đau, thai sản...).
- ✓ Thông qua tổ chức công đoàn, các quyền lợi khác của người lao động được thực hiện đúng quy định(Tiền thưởng, thăm quan du lịch, cưới hỏi, ốm đau...).
- ✓ Thực hiện trả lương theo đơn giá khoán sản phẩm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- ❖ Các khoản đầu tư lớn: Không có
- ❖ Các công ty con: Không có

4. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	68.485.039.303	68.999.049.722	+0,8%
2	Doanh thu thuần	182.233.918.437	125.321.954.667	-31,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động	19.664.353.513	11.432.356.098	-41,9%

	kinh doanh			
4	Lợi nhuận khác	325.872.773	(177.542.809)	-154,5%
5	Lợi nhuận, trước thuế	19.990.226.286	11.254.813.289	-43,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	15.346.054.124	8.905.153.363	-42,0%
7	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	30%	25%(*)	

(*) Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,19	1,30	
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,90	0,79	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	58,11	57,91	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	138,69	137,56	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hành tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	20,02	9,28	
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,67	1,82	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	8,42	7,11	

thuần			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu(ROE)	%	53,49	30,66
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản(ROA)	%	22,41	12,91
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	10,79	9,12

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

❖ Cổ phần

- ✓ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương
- ✓ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✓ Tổng số cổ phần:
 - Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.717.410 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.717.410 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

❖ Cơ cấu cổ đông: (tại ngày chốt cổ đông 10/11/2016)

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	01	613.116	35,7%
2	Cá nhân	321	1.104.294	64,3%
	Tổng	322	1.717.410	100%
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0%
	Tổng	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ			
	Tổng cộng:	322	1.717.410	100%

- ❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- ❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không
- ❖ **Các chứng khoán khác:** Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- ❖ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:**

- ✓ **Thuận lợi:**

Tập thể CBCNV - người lao động trong Công ty có tinh thần đoàn kết, thống nhất, tích cực hăng say lao động sản xuất, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc. Đội ngũ CBCN kỹ thuật có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong khai thác, chế biến đá các loại, đáp ứng được yêu cầu của thị trường về chất lượng, chủng loại sản phẩm.

Hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến đá đồng bộ, công suất khai thác, chế biến đá lớn, mặt bằng sản xuất rộng, có vị trí thuận lợi cho hoạt động khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- ✓ **Khó khăn:**

Điều kiện làm việc chủ yếu ở ngoài trời, trên núi cao, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và chịu ảnh hưởng rất nhiều của thời tiết.

Một số mỏ đá vôi trữ lượng còn lại ít, đang khai thác tận thu, chất lượng xấu, chi phí sản xuất cao...

- ✓ **Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:**

Năm 2016, các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ, doanh thu đều không đạt kế hoạch, giảm mạnh so với năm 2015 là do:

Thị trường tiêu thụ bị thu hẹp do: Các công trình xây dựng của Nhà nước(sử dụng số lượng lớn sản phẩm của Công ty) đã hoàn thiện, nhu cầu xây dựng dân sinh giảm.

Mặt khác do chi phí thuế tài nguyên phải nộp cao dẫn đến giá thành sản xuất cao, Công ty, không thể điều chỉnh giảm giá bán để cạnh tranh với các đơn vị khác.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến sản lượng tiêu thụ và doanh thu không đạt kế hoạch, giảm mạnh so với năm 2015. Công ty phải tiết giảm sản xuất để cân đối với sản lượng tiêu thụ, do vậy sản lượng sản xuất không đạt kế hoạch, giảm mạnh so với cùng kỳ.

- ❖ **Những tiên bộ Công ty đã đạt được**

- Chất lượng trong công tác tài chính - kế toán được nâng cao, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tuân thủ chế độ báo cáo tài chính áp dụng cho công ty đại chúng, chất lượng hạch toán, kê khai, quyết toán thuế kịp thời.
- Việc thực hiện công tác bán hàng đúng theo các quy định của pháp luật, theo quy chế quản lý sản phẩm của Công ty, không còn để khách hàng nợ đọng kéo dài.
- Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị đã phát huy tốt năng lực của các thành viên HĐQT trong việc lãnh đạo, giám sát, đảm bảo hoạt động đúng định hướng, tuân thủ Điều lệ và các quy chế, quy trình, bảo vệ lợi ích của Công ty.
- Phân công nhiệm vụ trong Ban giám đốc rõ ràng, cụ thể tạo được sự đồng thuận, phát huy được vai trò, khả năng của từng cá nhân trong từng vị trí quản lý và điều hành.

2. Tình hình tài chính

❖ Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		2016/2015
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	31.105,2	45,42%	34.082,9	49,39%	+9,6%
Tài sản dài hạn	37.379,8	54,58%	34.916,1	50,61%	-6,6%
Tổng cộng tài sản	68.485,0	100,00%	68.999,0	100,00%	+0,8%

Trong năm 2016 không có biến động lớn về giá trị tài sản của Công ty so với năm 2015. Tuy nhiên cơ cấu tài sản có sự thay đổi: Tài sản dài hạn đạt : 34,9 tỷ đồng giảm 6,6% so với năm 2015, trong khi tài sản ngắn hạn đạt: 34,1 tỷ đồng tăng 9,6% so với năm 2015.

Về tài sản ngắn hạn: Hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn là các chỉ tiêu tăng mạnh trong cơ cấu tài sản ngắn hạn với giá trị tăng lần lượt là 5,6 tỷ (tương đương mức tăng 73,68%) và 3,5 tỷ (tương đương mức tăng 59,15%) so với cùng kỳ. Trong khi đó chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền giảm 6,2 tỷ (tương đương mức giảm 35,62%) so với cùng kỳ.

Về cơ cấu tài sản dài hạn: Trong năm 2016 không có nhiều biến động, chỉ tiêu tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với giá trị 26,6 tỷ (tương đương tỷ lệ 76,22%), tiếp theo là chỉ tiêu phải thu dài hạn với giá trị là 8,1 tỷ (tương đương tỷ lệ 23,21%).

❖ Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		2016/2015
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	26.051,7	65,47%	26.212,8	65,61%	+0,62%
Nợ dài hạn	13.741,6	34,53%	13.741,6	34,39%	-
Tổng nợ	39.793,3	100,00%	39.954,4	100,00%	+0,40%

Trong năm 2016 không có nhiều biến động trong cơ cấu nợ phải trả, tỷ trọng hai nhóm nợ này không thay đổi với 65% là nợ ngắn hạn và 34% là nợ dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan đến tất cả các hoạt động của Công ty.

Cơ chế chính sách quản lý của Công ty ngày càng hoàn thiện, phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách khoán vẫn được xem xét áp dụng trong toàn Công ty, việc áp dụng linh hoạt chính sách khoán phù hợp với thực tế tại từng thời điểm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu chủ yếu cũng như thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- ✓ Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư thành lập thêm các chi nhánh tại các vùng miền khác nhau đặc biệt là các tỉnh phía Bắc nhằm tận dụng lợi thế về thương hiệu, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực.
- ✓ Về thị trường: Duy trì, tạo mối quan hệ tốt đối với các khách hàng truyền thống, tận dụng lợi thế về thương hiệu, cơ sở hạ tầng, mặt bằng bến bãi để phát triển thị trường mới.
- ✓ Về sản phẩm: Duy trì và phát huy các sản phẩm có thế mạnh của Công ty, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí. Nghiên cứu cải tiến công nghệ chế biến nhằm đa dạng hóa sản phẩm cũng như tận thu tối đa các sản phẩm thu hồi.

- ✓ Về tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của pháp luật về công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý dòng tiền một cách hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư.
- ✓ Về nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng năm, từng giai đoạn, bố trí sử dụng và chế độ đãi ngộ đối với từng chức danh, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình sản xuất. Duy trì chính sách khoán sản phẩm tới từng tổ sản xuất nhằm kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý và điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Với thực lực hiện có của Công ty kết hợp với việc xem xét và đánh giá một cách thận trọng những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty dự kiến xây dựng kế hoạch năm 2017 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1.Sản lượng sản xuất	M ³		
+Khai thác đá xây dựng	"	1.265.000	
+Chế biến đá xây dựng	"	1.206.800	
+Chế biến cát nghiền	"	72.000	
2.Sản lượng tiêu thụ	"		
+ Đá chế biến	"	1.251.500	
+ Cát nghiền	"	72.000	
3.Doanh thu	Tr.đ	145.800	
4.Lợi nhuận sau thuế	"	8.000	
5.Các khoản nộp ngân sách	"	25.000	

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến kiểm toán nếu có:

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán viên.

"Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong năm số tiền khoảng 1,14 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp

nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 3,94 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 2,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng khoảng 3,94 tỷ VND); trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 1,14 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Giải trình của Ban giám đốc:

Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực từ ngày 20/01/2014.

Đầu năm 2015, Công ty mới được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho toàn bộ các mỏ hiện Công ty đang quản lý khai thác, trong đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến ngày 31/12/2013 là 5,9 tỷ đồng.

Từ năm 2011 đến 2014 Công ty đã quyết toán và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Do vậy, Công ty không hỏi tổ số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nói trên vào chi phí các năm trước, mà Công ty đã ghi tăng Nguyên giá tài sản cố định vô hình và thực hiện trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015. Theo đó, số tiền đã ghi nhận vào chi phí năm 2015 là 1,9 tỷ đồng và năm 2016 là 1,14 tỷ đồng tương ứng với trữ lượng đã khai thác từng năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016 với khó khăn về thị trường tiêu thụ đã tác động lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty: Sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ và doanh thu không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát mục tiêu nhiệm vụ để chỉ đạo cùng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty từ đó đem lại hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế tăng 48,4% so với kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Ban Giám đốc gồm 03 thành viên, trong đó chức danh Giám đốc do Phó chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm và 01 Phó giám đốc do thành viên HĐQT kiêm nhiệm, đây là thuận lợi giúp công tác điều hành được sâu sát và nhất quán trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT.

Ban Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng quản lý điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, năng động, sáng tạo, đoàn kết và quyết tâm trong điều hành kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

❖ Đối với công tác quản lý

Xây dựng các trương trình hoạt động của HĐQT cho năm 2017 để chỉ đạo, quản lý điều hành doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao. Tiếp tục duy trì các phiên họp thường kỳ, ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận chiến lược kinh doanh, định hướng hoạt động của Công ty, thông qua các báo cáo, kế hoạch kinh doanh của Ban giám đốc.

Giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời và kiên quyết các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

❖ Đối với hoạt động kinh doanh

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý Nhà nước để nhanh chóng hoàn tất các thủ tục, đẩy nhanh tiến độ xin cấp phép khai thác xuống sâu mỏ Tân Sơn.

Duy trì ổn định các mỏ hiện có, hoàn tất các thủ tục xin gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ Áng Dâu. Chuẩn bị cơ bản các điều kiện để tiến tới mở rộng khai thác xuống sâu tại mỏ Phúc Sơn, Núi Sẻ và Hàm Long.

Tập trung tối đa cho công tác bán hàng nhằm giảm hàng tồn kho bằng các giải pháp phù hợp tại từng thời điểm.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	-	-	
Ông Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	36.690	2,14%	
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT	27.345	1,59%	Miễn nhiệm ngày 24/04/2016
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT	45.375	2,64%	
Ông Trần Văn Sừ	Thành viên HĐQT	33.945	1,98%	
Ông Vũ Thắng Bình	Thành viên HĐQT	-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2016

- ❖ **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị chưa lập các tiểu ban

Tiểu ban Thư ký HĐQT gồm có 01 thành viên là ông Nguyễn Hữu Khiêm, đóng vai trò giúp việc cho các thành viên HĐQT, đảm bảo cho việc tổ chức các cuộc họp đúng trình tự, thủ tục theo qui định.

- ❖ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2016, HĐQT tổ chức 09 cuộc họp để nghe báo cáo và đề xuất của Ban giám đốc, từ đó nắm bắt tình hình chủ động xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với từng giai đoạn của Công ty, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1. Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2. Ông Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
3. Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT	2/2	100%	Do miễn nhiệm ngày 24/04/2016

4. Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
5. Ông Trần Văn Sừ	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
6. Ông Vũ Thắng Bình	Thành viên HĐQT	7/7	100%	Do bổ nhiệm ngày 24/04/2016

Hội đồng quản trị đã linh động đề ra những chỉ đạo phù hợp thông qua các Nghị quyết, Quyết định được thống nhất bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp. Nhờ vậy, công tác chỉ đạo luôn kịp thời và bám sát tình hình Công ty cũng như yêu cầu của từng thời kỳ.

❖ **Các Nghị quyết, Quyết định mà HĐQT đã ban hành trong năm**

S T T	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	33/NQ-HĐQT	12/01/2016	Chi tạm ứng thù lao HĐQT, BKS quý I/2016; Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016; Quỹ lương kế hoạch năm 2016; Rà soát, sửa đổi Điều lệ.
2	34/NQ-HĐQT	11/03/2016	Kế hoạch tổ chức ĐHCĐ nhiệm kỳ 2016-2020
3	35/NQ-HĐQT	11/03/2016	Thông qua việc bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty
4	01/QĐ-HĐQT	11/03/2016	Bổ nhiệm ông Đoàn Văn Cường giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty, kiêm trưởng phòng KTAT&MT.
5	36/NQ-HĐQT	28/03/2016	Thông qua về nội dung các tài liệu và chương trình ĐHCĐ nhiệm kỳ 2016-2020.
6	01/NQ-HĐQT	24/04/2016	Thông qua các chức danh trong HĐQT và thư ký HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2016-2020.
7	02/NQ-HĐQT	24/04/2016	Thông qua việc bổ nhiệm lại các chức danh do Giám đốc Công ty quản lý, Thống nhất chia thù lao HĐQT, thù lao BKS năm 2016.
8	03/NQ-HĐQT	24/04/2016	Chi cổ tức đợt 2 năm 2015
9	02/QĐ-HĐQT	24/04/2016	Bổ nhiệm lại ông Đào Văn Dũng giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2016-2020

10	03/QĐ-HĐQT	24/04/2016	Bổ nhiệm lại ông Đỗ Quang Mạnh giữ chức vụ Phó giám đốc nhiệm kỳ 2016-2020
11	04/QĐ-HĐQT	24/04/2016	Bổ nhiệm lại ông Đoàn Văn Cường giữ chức vụ Phó giám đốc nhiệm kỳ 2016-2020
12	05/QĐ-HĐQT	24/04/2016	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Hữu Khiêm giữ chức vụ KTT Công ty nhiệm kỳ 2016-2020
13	06/QĐ-HĐQT	18/05/2016	Thưởng ban quản lý điều hành năm 2015
14	04/NQ-HĐQT	29/07/2016	Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016, kế hoạch hoạt động 06 tháng cuối năm 2016 của Giám đốc Công ty. Thống nhất chi tiền thưởng năm(tháng lương thứ 13) cho người lao động trong Công ty. Thống nhất về chữ ký trong Biên bản họp HĐQT Công ty. Việc cấp đổi lại sổ chứng nhận sở hữu cổ phần.
15	07/QĐ-HĐQT	12/08/2016	Ban hành bảng phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT
16	08/QĐ-HĐQT	12/08/2016	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT
17	09/QĐ-HĐQT	12/08/2016	Ban hành Quy chế quản lý tài chính
18	05/NQ-HĐQT	30/08/2016	Thông qua việc họp ĐHĐCĐ bất thường bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2016.
19	06/NQ-HĐQT	30/08/2016	Đóng góp kinh phí xây dựng trường học cho địa phương
20	07/NQ-HĐQT	17/10/2016	Kết quả sản xuất kinh doanh Quý III và 09 tháng năm 2016 .
21	08/NQ-HĐQT	17/10/2016	Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định,.
22	09/NQ-HĐQT	20/10/2016	Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền

- ❖ **Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:** Không có
- ❖ **Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:** Không có

2. Ban kiểm soát

- ❖ **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
Bà Vũ Thị Mây	Trưởng BKS	9.360	0,55%	
Ông Vũ Văn Trào	Thành viên BKS	840	0,05%	
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên BKS	-	-	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2016
Ông Vũ Thắng Bình	Thành viên BKS	-	-	Miễn nhiệm ngày 24/04/2016

- ❖ **Hoạt động của Ban kiểm soát**

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.
- Theo dõi, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc; Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty.
- Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ; kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành.
- Thường xuyên tham gia cuộc họp của Hội đồng quản trị; Kiểm tra giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm

Lần họp

Nội dung

Lần họp 1	Đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2015, triển khai kế hoạch năm 2016;
Lần họp 2	Triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2016-2020; Bầu trưởng BKS nhiệm kỳ 2016-2020, phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
Lần họp 3	Đánh giá về kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành năm 2016; Triển khai thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Thành viên	Chức danh	Tổng thu nhập (ĐVT: 1.000 đồng)		
			Thù lao HĐQT/BKS /thư ký	Lương, thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị/Ban giám đốc		420.000	1.894.257	2.314.257
1	Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	108.000	176.727	284.727
2	Đào Văn Dũng	Phó chủ tịch HĐQT – Giám đốc	96.000	482.243	578.243
3	Đỗ Quang Mạnh	TV HĐQT – Phó giám đốc	72.000	394.228	466.228
4	Nguyễn Văn Vĩnh	TV HĐQT – Phó giám đốc	24.000	178.685	202.685
5	Trần Văn Sừ	TV HĐQT	72.000	362.223	434.223
6	Vũ Thắng Bình	TV HĐQT	48.000	-	48.000
7	Đoàn Văn Cường	Phó giám đốc	-	300.151	300.151

II	Ban kiểm soát		168.000	651.140	819.140
1	Vũ Thị Mây	Trưởng BKS	72.000	359.882	431.882
2	Vũ Văn Trào	TV BKS	48.000	212.713	260.713
3	Vũ Thắng Bình	TV BKS	16.000	78.545	94.545
4	Nguyễn Ngọc Tuấn	TV BKS	32.000	-	32.000
III	Thư ký Công ty		72.000	381.246	454.246
1	Nguyễn Hữu Khiêm	Thư ký HĐQT – Kế toán trưởng	72.000	381.246	454.246

3.2 **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

3.3 **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

3.4 **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.**

Trong năm 2016 Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo kiểm toán số 434/VN1A-HN-BC ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. **Báo cáo tài chính năm 2016** của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán (kèm theo).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn

Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Đào Văn Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Thành viên
Ông Trần Văn Sử	Thành viên
Ông Vũ Thăng Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Đào Văn Dũng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016)
Ông Đỗ Quang Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Cường	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HẢI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thử, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

500
T
H
T
N
T

Số: 434 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận vào chi phí trong năm số tiền khoảng 1,14 tỷ VND là một phần trong tổng số khoảng 5,9 tỷ VND tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Nếu Công ty ghi nhận hồi tố toàn bộ khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp nêu trên vào chi phí các năm trước theo đúng hướng dẫn của Chế độ kế toán Việt Nam thì trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước sẽ giảm khoảng 3,94 tỷ VND, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định vô hình sẽ tăng khoảng 2,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng khoảng 3,94 tỷ VND); trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá vốn hàng bán sẽ giảm và tổng lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một số tiền khoảng 1,14 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.082.915.676	31.105.196.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	11.252.899.975	17.477.248.695
1. Tiền	111		3.252.899.975	6.477.248.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	11.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.522.337.089	5.983.389.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.848.728.427	7.497.672.077
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	166.704.762	205.533.195
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.493.096.100)	(1.719.816.100)
III. Hàng tồn kho	140	10	13.307.678.612	7.627.892.208
1. Hàng tồn kho	141		13.307.678.612	7.627.892.208
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	16.666.667
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	16.666.667
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.916.134.046	37.379.842.561
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.112.524.855	6.585.539.340
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	8.112.524.855	6.585.539.340
II. Tài sản cố định	220		26.675.494.097	30.204.515.914
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	15.158.077.714	14.084.579.179
- Nguyên giá	222		30.776.126.847	26.811.690.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.618.049.133)	(12.727.111.030)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	11.517.416.383	16.119.936.735
- Nguyên giá	228		31.177.927.937	31.177.927.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.660.511.554)	(15.057.991.202)
III. Tài sản dài hạn khác	260		128.115.094	589.787.307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	128.115.094	589.787.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		68.999.049.722	68.485.039.303

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.954.461.155	39.793.374.099
I. Nợ ngắn hạn	310		26.212.852.155	26.051.765.099
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	5.402.078.162	5.269.654.954
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		243.984.866	283.488.866
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	11.897.797.643	10.972.226.550
4. Phải trả người lao động	314		7.094.137.300	8.008.635.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		312.242.580	233.328.720
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	219.433.700	226.464.958
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.043.177.904	1.057.965.151
II. Nợ dài hạn	330		13.741.609.000	13.741.609.000
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	13.741.609.000	13.741.609.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.044.588.567	28.691.665.204
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	29.044.588.567	28.691.665.204
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.174.100.000	17.174.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.174.100.000	17.174.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		536.512.500	536.512.500
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.333.976.067	10.981.052.704
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.863.642.704	569.818.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.470.333.363	10.411.234.124
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		68.999.049.722	68.485.039.303


 Trần Thị Vân
 Người lập biểu


 Nguyễn Hữu Khiêm
 Kế toán trưởng


 Đào Văn Dũng
 Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng	01	20	125.321.954.667	182.233.918.437
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		125.321.954.667	182.233.918.437
4. Giá vốn hàng bán	11		97.182.483.545	132.239.671.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		28.139.471.122	49.994.246.520
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	626.009.987	857.766.507
7. Chi phí bán hàng	25	23	4.771.058.484	10.245.263.046
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.562.066.527	20.942.396.468
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		11.432.356.098	19.664.353.513
10. Thu nhập khác	31		125.057.827	930.770.473
11. Chi phí khác	32		302.600.636	604.897.700
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(177.542.809)	325.872.773
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.254.813.289	19.990.226.286
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.349.659.926	4.644.172.162
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		8.905.153.363	15.346.054.124
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.185	6.082

Trần Thị Vân
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	134.499.199.350	205.258.228.366
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(55.720.922.632)	(92.443.794.019)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(41.995.246.400)	(55.315.294.400)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.631.819.489)	(3.002.994.572)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	757.478.700	1.256.712.316
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(31.089.221.913)	(43.625.186.986)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.819.467.616	12.127.670.705
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.290.870.526)	(11.653.474.313)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	702.100.000
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	399.284.190	697.874.084
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.891.586.336)	(10.253.500.229)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.152.230.000)	(8.310.976.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.152.230.000)	(8.310.976.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(6.224.348.720)	(6.436.806.024)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.477.248.695	23.914.054.719
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	11.252.899.975	17.477.248.695

Trần Thị Vân

Trần Thị Vân
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Khiêm

Nguyễn Hữu Khiêm
Kế toán trưởng



Đào Văn Dũng
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Mỏ đá vôi Thống Nhất Hải Hưng, được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1958. Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2740/QĐ-UB ngày 04 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Cổ đông chính của Công ty là Công ty Cổ phần Cơ Khí và Khoáng sản Hà Giang và các cổ đông cá nhân khác.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 412 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, chế biến đá làm nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác và chế biến đất sét;
- Khai thác tận thu, chế biến bauxit;
- Khai thác cát, đất, sỏi;
- Tận thu các loại khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác (nếu có);
- Sửa chữa cơ khí - điện;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng Công ty và các đội khai thác, chế biến đá.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 01 tháng 6 năm 2016 giữa Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hải Dương và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu bao gồm giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 16
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 14

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị các quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà Công ty phải nộp, chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác và toàn bộ các chi phí liên quan khác để có được giấy phép khai thác khoáng sản.

Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao căn cứ theo trữ lượng đã khai thác trên tổng trữ lượng được cấp phép khai thác.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí đã phát sinh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Căn cứ theo Biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu báo cáo của người nộp thuế ngày 01 tháng 6 năm 2016 giữa Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hải Dương và Công ty, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh số thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty phải nộp và chi phí khấu hao của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số trình bày lại
		VND	VND	VND
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
TÀI SẢN				
Tài sản cố định hữu hình (i)	221	13.841.936.856	242.642.323	14.084.579.179
- Nguyên giá	222	26.811.690.209	-	26.811.690.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(12.969.753.353)	242.642.323	(12.727.111.030)
NỢ PHẢI TRẢ				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (ii)	313	10.524.029.175	448.197.375	10.972.226.550
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (iii)	421	11.186.607.756	(205.555.052)	10.981.052.704
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a	569.818.580	-	569.818.580
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	10.616.789.176	(205.555.052)	10.411.234.124
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Giá vốn hàng bán (iii)	11	132.073.864.865	165.807.052	132.239.671.917
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (ii)	51	4.604.424.162	39.748.000	4.644.172.162
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (iii)	60	15.551.609.176	(205.555.052)	15.346.054.124

- (i) Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm 242.642.323 VND;
- (ii) Thuế tài nguyên phải nộp tăng thêm 408.449.375 VND và Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm 39.748.000 VND, dẫn đến số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng thêm 448.197.375 VND;
- (iii) Chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 242.642.323 VND và Thuế tài nguyên phải nộp tăng thêm 408.449.375 VND, dẫn đến Giá vốn hàng bán tăng thêm 165.807.052 VND, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND và số dư Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	383.048.200	221.858.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.869.851.775	6.255.389.995
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	11.000.000.000
	<u>11.252.899.975</u>	<u>17.477.248.695</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng Đức Thắng	2.020.992.000	463.452.000
Doanh nghiệp Tư nhân Xí nghiệp Tư doanh Vận tải Hồng Lạc	1.800.981.377	1.209.544.877
Công ty TNHH Hưng Hòa	1.210.831.850	853.133.500
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng	523.734.000	1.141.599.000
Phải thu các khách hàng khác	5.292.189.200	3.829.942.700
	<u>10.848.728.427</u>	<u>7.497.672.077</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	166.704.762	205.533.195
- Phải thu người lao động	166.389.500	205.533.195
- Phải thu khác	315.262	-
b) Dài hạn	8.112.524.855	6.585.539.340
- Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường các mỏ	8.112.524.855	6.585.539.340
	<u>8.279.229.617</u>	<u>6.791.072.535</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. NỢ XẤU**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn	Giá gốc (VND)	Giá trị có thể thu hồi (VND)	Thời gian quá hạn
- Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến Bắc Ninh	255.840.600	-	Trên 3 năm	325.840.600	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Sơn Thịnh	305.471.000	-	Trên 3 năm	305.471.000	-	Trên 3 năm
- Công ty TNHH Đức Thành	282.248.000	-	Trên 3 năm	282.248.000	-	Trên 3 năm
- Công ty Cổ phần Thương mại Thành Vinh	181.051.800	-	Trên 3 năm	181.051.800	-	Trên 3 năm
- Khách hàng khác	483.484.700	15.000.000	Trên 2 năm	655.204.700	30.000.000	Trên 2 năm
	1.508.096.100	15.000.000		1.749.816.100	30.000.000	

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	510.903.734	-	1.221.632.485	-
Công cụ, dụng cụ	6.394.791	-	6.886.466	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.171.676	-	1.628.434	-
Thành phẩm	12.781.208.411	-	6.397.744.823	-
	13.307.678.612	-	7.627.892.208	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	72.332.825	376.598.502
Chi phí hỗ trợ đền bù	55.782.269	146.588.805
Chi phí khác	-	66.600.000
	128.115.094	589.787.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	7.881.075.491	16.360.324.493	2.310.187.829	260.102.396	26.811.690.209
Mua trong năm	-	600.000.000	-	-	600.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.364.436.638	-	-	3.364.436.638
Số cuối năm	7.881.075.491	20.324.761.131	2.310.187.829	260.102.396	30.776.126.847
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm (Trình bày lại)	5.014.775.633	6.128.388.979	1.371.879.922	212.066.496	12.727.111.030
Khấu hao trong năm	619.218.232	1.963.190.847	292.631.028	15.897.996	2.890.938.103
Số cuối năm	5.633.993.865	8.091.579.826	1.664.510.950	227.964.492	15.618.049.133
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm (Trình bày lại)	2.866.299.858	10.231.935.514	938.307.907	48.035.900	14.084.579.179
Số cuối năm	2.247.081.626	12.233.181.305	645.676.879	32.137.904	15.158.077.714

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.204.716.341 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 5.869.281.066 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí hoàn nguyên môi trường	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
Số cuối năm	17.436.318.937	13.741.609.000	31.177.927.937
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	7.497.637.308	7.560.353.894	15.057.991.202
Khấu hao trong năm	2.977.539.624	1.624.980.728	4.602.520.352
Số cuối năm	10.475.176.932	9.185.334.622	19.660.511.554
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	9.938.681.629	6.181.255.106	16.119.936.735
Số cuối năm	6.961.142.005	4.556.274.378	11.517.416.383

Theo Văn bản số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty tạm thời chưa phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng đã khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tổng số tiền khoảng 5,9 tỷ VND. Số tiền này đã được Công ty ghi nhận bổ sung vào chỉ tiêu Nguyên giá tài sản cố định vô hình và chỉ tiêu Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước. Tài sản này được Công ty trích khấu hao bắt đầu từ năm 2015 căn cứ theo trữ lượng khai thác trong năm và trữ lượng được phép khai thác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.700.262.966 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 412.167.094 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	539.773.813	7.578.116.274	7.437.989.501	679.900.586
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.045.132.669	2.349.659.926	3.631.819.489	762.973.106
- Thuế thu nhập cá nhân	72.132.510	430.701.120	378.094.210	124.739.420
- Thuế tài nguyên	738.662.775	9.545.152.228	6.902.271.591	3.381.543.412
- Phí bảo vệ môi trường	245.733.500	2.443.511.500	2.371.538.735	317.706.265
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	87.322.988	87.322.988	-
- Tiền thuê đất	-	3.083.302.500	3.083.302.500	-
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	7.330.791.283	-	699.856.429	6.630.934.854
- Các khoản phải trả khác	-	23.486.336	23.486.336	-
	10.972.226.550	25.544.252.872	24.618.681.779	11.897.797.643

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hiền	1.162.469.000	1.162.469.000	781.785.200	781.785.200
Công ty TNHH Một thành viên 6&9	1.125.814.200	1.125.814.200	671.856.100	671.856.100
Công ty Cổ phần Thống Nhất	705.570.700	705.570.700	1.057.390.100	1.057.390.100
Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	514.056.312	514.056.312	488.328.984	488.328.984
Công ty Cổ phần Phú Thịnh	475.334.100	475.334.100	928.385.900	928.385.900
Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng	-	-	602.878.320	602.878.320
Phải trả các đối tượng khác	1.418.833.850	1.418.833.850	739.030.350	739.030.350
	5.402.078.162	5.402.078.162	5.269.654.954	5.269.654.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	112.440.000	103.755.300
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	55.000.000	70.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	51.993.700	52.609.658
	<u>219.433.700</u>	<u>226.464.958</u>

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	13.741.609.000	13.741.609.000
	<u>13.741.609.000</u>	<u>13.741.609.000</u>
Chi tiết:		
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	-	-
<i>Dự phòng phải trả dài hạn</i>	13.741.609.000	13.741.609.000

- (i) Chi phí hoàn nguyên môi trường là tổng chi phí ước tính phải bỏ ra để phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác theo các Đề án cải tạo phục hồi môi trường của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN HÀI DƯƠNG

Thôn Lỗ Sơn, Thị trấn Phú Thứ, Huyện Kinh Môn
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	11.449.400.000	536.512.500	3.917.401.079	9.729.347.501	25.632.661.080
Tăng vốn trong năm	5.724.700.000	-	(3.917.401.079)	(1.807.298.921)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.551.609.176	15.551.609.176
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.700.000.000)	(3.700.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(8.587.050.000)	(8.587.050.000)
Số dư đầu năm nay	17.174.100.000	536.512.500	-	11.186.607.756	28.897.220.256
Điều chỉnh hồi tố (i)	-	-	-	(205.555.052)	(205.555.052)
Số dư đầu năm nay được trình bày lại	17.174.100.000	536.512.500	-	10.981.052.704	28.691.665.204
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.905.153.363	8.905.153.363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành (ii)	-	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	(5.152.230.000)	(5.152.230.000)
Số dư cuối năm nay	17.174.100.000	536.512.500	-	11.333.976.067	29.044.588.567

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5, do ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố, lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi 205.555.052 VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm đi một khoản tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 3.700.000.000 VND. Công ty đã hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 1.500.000.000 VND, hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 2.200.000.000 VND.
- Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành Công ty với số tiền là 1.200.000.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ vào báo cáo tài chính năm nay.
- Trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông với mức 30% vốn điều lệ, tương đương với 5.152.230.000 VND. Công ty đã tạm ứng cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2015 là 3.434.820.000 VND, thanh toán phần còn lại cho các cổ đông và hạch toán vào báo cáo tài chính năm nay là 1.717.410.000 VND.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 10 năm 2016 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 cho các cổ đông với mức 20% vốn điều lệ, tương ứng với 3.434.820.000 VND. Công ty đã hạch toán toàn bộ số tiền này vào báo cáo tài chính năm nay.

Số lượng cổ phiếu

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu phổ thông	1.717.410	1.717.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 9 năm 2015), vốn điều lệ của Công ty là 17.174.100.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	6.131.160.000	35,7%	6.131.160.000	35,7%
Ông Đỗ Quang Mạnh	453.750.000	2,6%	453.750.000	2,6%
Ông Đào Văn Dũng	366.900.000	2,1%	366.900.000	2,1%
Ông Trần Văn Sử	339.450.000	2,0%	339.450.000	2,0%
Ông Nguyễn Văn Vĩnh	273.450.000	1,6%	273.450.000	1,6%
Các cổ đông khác	9.609.390.000	56,0%	9.609.390.000	56,0%
Tổng cộng	17.174.100.000	100%	17.174.100.000	100%

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Nợ khó đòi đã xử lý**

Các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý:

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm thực hiện	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty Công trình Giao thông 86	621.898.570	Tháng 01 năm 2013	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Công ty Vật tư Xây dựng và Vận tải Hải Phòng	1.914.511.600	Tháng 9 năm 2008	Bán nợ cho Công ty mua bán nợ
Đối tượng nhỏ lẻ khác	80.928.809	Tháng 11 năm 2015	Xóa sổ theo Quyết định của Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng	125.321.954.667	182.233.918.437
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu bán đá thô	2.656.197.080	10.432.441.331
- Doanh thu bán đá chế biến	121.176.016.239	171.801.477.106
- Doanh thu bán cát nghiền	1.489.741.348	-
	<u>125.321.954.667</u>	<u>182.233.918.437</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.899.718.029	9.049.750.462
Chi phí nhân công	46.775.703.329	65.048.443.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.493.458.455	9.315.946.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.941.690.725	63.863.454.584
Chi phí khác bằng tiền	20.160.583.621	18.548.730.187
	<u>121.271.154.159</u>	<u>165.826.325.943</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	399.284.190	697.874.084
Doanh thu hoạt động tài chính khác	226.725.797	159.892.423
	<u>626.009.987</u>	<u>857.766.507</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	6.936.120.706	10.910.608.700
- Thuế, phí, lệ phí	335.832.467	2.870.975.729
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.761.499.731	1.635.203.338
- Chi phí bằng tiền khác	2.664.251.276	2.189.187.284
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.091.082.347	3.793.172.626
	12.788.786.527	21.399.147.677
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí thuê máy móc thiết bị, bốc xúc, vận chuyển	4.771.058.484	10.245.263.046
	4.771.058.484	10.245.263.046
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(226.720.000)	(456.751.209)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.254.813.289	19.990.226.286
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(4.832.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	493.486.336	1.124.478.000
Thu nhập chịu thuế	11.748.299.625	21.109.871.686
Thuế suất (i)	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.659.926	4.644.172.162
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.349.659.926	4.644.172.162

- (i) Theo Luật số 32/2013/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.905.153.363	15.346.054.124
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	4.900.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.905.153.363	10.446.054.124
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.185	6.082

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 18, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban Quản lý, Điều hành Công ty từ lợi nhuận năm 2015 của Công ty, đồng thời Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu của năm 2015, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.551.609.176	15.346.054.124
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	1.500.000.000	4.900.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.051.609.176	10.446.054.124
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.717.410	1.717.410
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.182	6.082

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*****Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	Cổ đông chính
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý, điều hành Công ty

Trong năm, Công ty có giao dịch với bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức trả cho Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	1.839.348.000	3.065.580.000

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và phụ cấp của Ban Giám đốc	878.691.000	1.379.878.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	420.000.000	420.000.000

Trần Thị Vân
Người lập biểu**Nguyễn Hữu Khiêm**
Kế toán trưởng**Đào Văn Dũng**
Giám đốc

Ngày 24 tháng 02 năm 2017